TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày: 16-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung và ông Lê Dũng Phương
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng thị trấn P, Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ **Lê Huỳnh P** (tên gọi khác: Quẹo), sinh năm 1993 tại Đồng Nai(có mặt)

Nơi cư trú:khu 9, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N, sinh năm 1955(đã chết) và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1955; có vợ Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2018. Tiền án: Không;

Tiền sự: 02. Ngày 02/11/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp "Cai nghiện bắt buộc" thời hạn 21 tháng tại Trung tâm GDLĐ bảo trợ xã hội Phú Văn, tỉnh B Phước, đã chấp hành xong ngày 09/6/2017.

Ngày 28/7/2018 bị Công an thị trấn P xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với mức phạt là 1.500.000đ, hiện nay Phú chưa nộp phạt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2018 cho đến nay.

2/ **Phùng A**, sinh năm 1981 tại Đồng Nai (có mặt)

Nơi cư trú:số 656//15, tổ 6, khu 9, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa:12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Nghĩa H, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1956; năm 2015 đã ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1981, có 1 con sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/10/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù nH cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong.

Ngày 25/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 18/11/2011.

Ngày 09/9/2015 bị đưa vào Cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số 696, thời hạn chấp hành là 24 tháng do sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 27/02/2019 bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

3/ **Lê Trung T** (tên gọi khác: Đen), sinh năm 1990 tại Đồng Nai (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà 284, KDC 13, ấp 3, xã Phú Hòa, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp:Làm thuê; Trình độ văn hóa:7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962(đã chết); Vợ Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1992, có 1 con sinh năm 2010.

Tiền sự: không.

Tiền án: 02, ngày 22/7/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản, đã chấp hành xong ngày 27/8/2017.

Ngày 12/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 28/10/2018.

Nhân thân: Ngày 28/6/2011 bị chủ tịch UBND Quận 8 đưa vào cơ sở chữa bệnh thời gian 24 tháng. Ngày 06/6/2013 Chủ tịch UBND Quận 8 áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện 24 tháng.

Bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến nay.

- *Bị hại:*

1/ Anh **Nguyễn Chí B,** sinh năm 1993(có mặt)

Địa chỉ: tổ 12, khu 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh **Nguyễn Tấn H**, sinh năm 1999(vắng mặt)

Địa chỉ: khu 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1/ Anh **Nguyễn Duy N,** sinh năm 1983(vắng mặt)

Địa chỉ:khu 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh **Nguyễn Quốc Toàn,** sinh năm 1986(vắng mặt)

Địa chỉ:ấp Ngọc Lâm 2, xã Phú Thanh, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 22/12/2018, Lê Huỳnh P đến quán nước bà Châu thuộc khu 7, thị trấn P, huyện P, thì thấy trước quán có xe mô tô biển số 60S9-9072 (là xe của anh Nguyễn Tấn H), không người trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp xe bán hoặc cầm cố lấy tiền tiêu xài. Phú liền đi lại chỗ dựng xe mô tô, dùng tay giật sợi dây điện trên ổ khóa xe, rồi nổ máy điều khiển xe về nhà Phú. Tại đây, Phú dùng tay bẻ gãy biển số 60S9-9072 rồi ném biển số 60S9-9072 cạnh nhà. Sau đó Phú điều khiển xe mô tô trên đến nhà Lê Trung T nói cho T biết là xe mình mới trộm cắp của người khác, xe không có giấy tờ. Phú hỏi T "có mua không", T trả lời "không có tiền mua". Lúc này, T nhớ Phùng A đang cần xe để đi lại nên T đã dẫn Phú đến nhà Tuấn để bán xe. Tuấn thấy xe mô tô không biển số, nên hỏi Phú " Xe này ở đâu ? ", Phú trả lời " Xe này em mới làm được", T nói thêm " Xe này nó làm được ở xa lắm, anh yên tâm đi ". Nghe vậy, Tuấn hiểu và biết rõ xe mô tô trên là do Phú trộm cắp của người khác nH Tuấn vẫn đồng ý mua với giá 1.000.000đồng, Tuấn đưa

trước cho Phú số tiền 500.000 đồng, số tiền còn lại Tuấn hẹn trả sau. Phú đã sử dụng số tiền 500.000 đồng tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn điều tra làm rõ được:

Vào khoảng 10 giờ ngày 01/12/2018, Phú đi bộ đến trước nhà anh Nguyễn Duy N, lúc này Phú quan sát thấy cửa nhà khép, trước nhà có dựng xe mô tô biển số 60K6-2331 (là xe của anh Nguyễn Chí B), không có người trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp xe bán hoặc cầm cố lấy tiền tiêu xài. Phú liền đi lại chỗ dựng xe đạp nổ máy và điều khiển xe mô tô đến nhà anh Nguyễn Quốc Ochơi. Tại nhà anh Toàn, Phú mượn anh O200.000 đồng để tiêu xài cá nhân, đồng thời Phú gửi nhờ xe mô tô trên lại nhà anh Toàn.

Tài sản thiệt hại:

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 90/KL.HĐĐGTS ngày 31/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: xe mô tô biển số 60S9-9072 có giá trị là 3.200.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 82/KL.HĐĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: xe mô tô biển số 60K6-2331 có giá trị 2.500.000 đồng

Theo cáo trạng số 28/CT-VKSTP-ĐN ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Lê Huỳnh P về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Phùng A về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS. Truy tố Lê Trung T phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1, Điều 173; điểm g, khoản 1 Điều 52(đối với Phú); khoản 1, Điều 323, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Tuấn; điểm đ, khoản 2 Điều 323, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với T. Áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51(đối với Phú, Tuấn, T) , Điều 58 BLHS (đối với Tuấn, T), xử phạt Lê Huỳnh P từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Xử phạt Phùng A từ 08 tháng đến 10 tháng tù, xử phạt Lê Trung T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù cùng về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi và trao trả cho bị hại, đồng thời bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xét. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào các ngày 01/12/2018, 22/12/2018, Lê Huỳnh P đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô biển số 60K6-2331 trị giá 2.500.000 đồng của anh Nguyễn Chí B; 01 xe mô biển số 60S9-9072 trị giá 3.200.000 đồng của anh Nguyễn Tấn H. Như vậy hành vi của Phú đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố là đúng người đúng tội.

Vào ngày 22/12/2018, Lê Trung T có hành vi giới thiệu cho Lê Huỳnh P bán chiếc xe mô tô biển số 60S9-9072 (là xe Phú trộm cắp được của anh Nguyễn Tấn H) cho Phùng A, với giá 1.000.000đồng. Khi giới thiệu việc bán xe và khi mua xe, Lê Trung T và Phùng A đều biết đây là tài sản do Lê Huỳnh P trộm cắp mà có. Như vậy hành vi của Tuấn và T đã đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi của Tuấn quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS, hành vi của T do có 02 tiền án về tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 323 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tuấn, T không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Phú có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phú, Tuấn, T đều thể hiện rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. T sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú, còn Tuấn hiện nay đang bị bệnh viêm gan siêu vi C và đang điều trị cai nghiện ma túy tại Trung tâm y tế huyện Định Quán nên Tuấn và T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Để đánh giá tính chất vai trò của từng bị cáo nhằm cá thể hóa hình phạt như sau: Bị cáo Phú không có nghề nghiệp, lười lao động lại mong muốn có tiền tiêu xài nên đã 02 lần T tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, có 02 tiền sự. Đối với Tuấn mặc dù tiền án tiền sự không có nH là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu, biết rõ tài sản do Phú trộm cắp nH vẫn cố ý mua để sử dụng vì giá rẻ. Tuy nhiên hiện nay Tuấn đang bị bệnh viêm gan siêu vi C và đang cai nghiện ma túy nên cần xét xử cho Tuấn 01 mức án ở đầu khung hình phạt nH thấp hơn T. Đối với T có 02 tiền án về tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản, mặc dù chưa được xóa án tích nH lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp định khung là tái phạm nguy hiểm. T biết tài sản do Phú trộm cắp mà có nH vẫn cố ý giới thiệu với Tuấn để thực hiện hành vi giúp sức cùng với Tuấn tiêu thụ tài sản nên T phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy cần xét xử T mức án cao hơn Tuấn là phù hợp với tính chất mức độ do hành vi của T đã gây ra. T và Tuấn thực hiện hành vi không có sự bàn bạc trước. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho các bị cáo 01 mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, do các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu DUCAL, biển số 60K6-2331, số máy 50FMG-01608426, số khung NJ100-2001572, đã qua sử dụng, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Chí B; 01 xe mô tô biển số 60S9-9072, số máy HA110E0002918, số khung VFCBCH064FC000918, đã qua sử dụng, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Tấn H . Anh B, anh H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Tòa án không xem xét.

Buộc Lê Huỳnh P giao nộp lại số tiền 500.000đồng để sung công quỹ Nhà nước, vì đây là tiền có được do phạm tội mà có.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp 01 phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Khoản 2, Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Huỳnh P(tên gọi khác: Quẹo) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1. Xử phạt bị cáo Lê Huỳnh P 01(một) năm 02(hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2018.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

2.Tuyên bố bị cáo Phùng A phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2.1. Xử phạt bị cáo Phùng A 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng: điểm đ, khoản 2 Điều 323; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

3.Tuyên bố bị cáo Lê Trung T(tên gọi khác: Đen) phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

3.1. Xử phạt bị cáo Lê Trung T 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2019.

Áp dụng: Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự đối với Phú.

4. Biện pháp tư pháp: Buộc Lê Huỳnh P phải nộp số tiền 500.000đ(năm trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Huỳnh P, Phùng A và Lê Trung T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo và bị hại anh B biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan